

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	478.016.000.000	42.405.843.269	144.391.913.398	30	11
I	Thu nội địa không kê dầu thô	478.016.000.000	42.405.843.269	143.119.989.398	30	11
II	Thu về dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu Viện trợ					
V	Các khoản huy động, đóng góp			1.271.924.000		
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	653.819.000.000	102.471.805.716	397.423.328.469	78	31
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp		21.353.140.646	35.048.199.644		15
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		7.597.576.293	14.115.495.218		7
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %		13.755.564.353	20.932.704.426		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	330.889.000.000	81.118.665.070	291.279.690.776	88	157
1	Bổ sung cân đối	265.294.000.000	66.321.000.000	198.963.000.000	75	360
2	Bổ sung có mục tiêu	65.595.000.000	14.797.665.070	92.316.690.776	141	44
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			71.095.438.049		
V	Thu kết dư					
C	TỔNG CHI NSDP	653.819.000.000	100.978.623.845	295.736.714.536	45	26
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	548.850.000.000	100.978.623.845	295.736.714.536	54	26
1	Chi đầu tư phát triển	300.000.000.000	2.832.715.000	56.675.589.200	19	1
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	248.850.000.000	97.922.118.845	238.405.849.336	96	72
3	Chi trả lãi, phí tiền vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi cho vay					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác		223.790.000	655.276.000		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
IV	Chi chuyển giao ngân sách					